

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN LÃNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 37/2022/HS-ST
Ngày 09-12-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn T Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hữu Bình;

Ông Nguyễn Văn Tới.

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thị Ngọc Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện T, thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Nguyễn - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 36/2022/TLST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 11 năm 2022 và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số: 176/TB-TA ngày 02 tháng 12 năm 2022, đối với bị cáo:

Phạm Ngọc T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 19xx; nơi cư trú: Thôn Đ, xã L, huyện T, thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc B, đã chết và Bùi Thị P, sinh năm 19xx; vợ là Vũ Thị L (đã chết) và một con sinh năm 19xx; vợ hiện tại là Phạm Thị Đ và 03 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2018; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08 tháng 8 năm 2022 đến nay; có mặt.

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị H (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của bà H: Ông Nguyễn Văn V (chồng bà H), sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn T, xã K, huyện T, thành phố H; vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng: Ông Nguyễn Đình H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2018, Phạm Ngọc T mua của một người đàn ông không quen biết ở huyện N, tỉnh Hải Dương một chiếc xe ba bánh có hệ thống lái bằng vô lăng, đầu máy nổ 24 mã lực với giá 66.000.000 đồng, để chở thuê vật liệu xây dựng nhưng không có giấy mua bán và các giấy tờ kèm theo xe. Bị cáo biết loại xe ba bánh này đã bị Cơ quan Nhà nước cấm tham gia giao thông nhưng T vẫn sử dụng chở vật liệu xây dựng trên địa bàn huyện T. Khoảng 11 giờ ngày 29-4-2022, T điều khiển xe ba bánh tự chế chở 1.000 viên gạch đất nung tham gia giao thông trên đường trục xã K, huyện T theo hướng từ thôn Nam Từ 1 đi thôn T Trì. Khi đi đến khu vực là đường giao nhau cùng mức giữa đường trục xã K với đường thôn H, xã K, T bấm còi, bật tín hiệu cảnh báo, nhưng không giảm tốc độ, không nhường đường cho xe đi từ bên phải theo chiều đi xe của T nên đã va chạm với xe đạp điện do bà Nguyễn Thị H điều khiển đi từ thôn H sang thôn T (bên phải theo chiều đi xe của T). Bà H điều khiển xe đạp điện tham gia giao thông nhưng không đội mũ bảo hiểm, không giảm tốc độ khi đến đường giao nhau cùng mức giữa đường trục xã K với đường thôn H. Hậu quả, bà H ngã xuống đường, bị bánh trước xe ba bánh chèn qua tử vong tại hiện trường.

Cùng ngày 29-4-2022, bị cáo T đến Công an huyện T đầu thú. Cơ quan Công an tiến hành kiểm tra nồng độ cồn và xét nghiệm ma túy đối với T, kết quả hơi thở không có nồng độ cồn và âm tính với ma túy.

Khám nghiệm hiện trường: Lấy mép đường bên trái xe ba bánh làm chuẩn. Xe ba bánh tự chế nằm hoàn toàn ở phần đường bên trái theo chiều xe đi. Đầu xe quay vào lề đường bên trái, đuôi xe quay ra lòng đường. Tâm trục bánh trước xe ba bánh nằm trên lề đường, cách mép đường là 0,2m. Tâm trục bánh sau bên trái xe ba bánh cách mép đường là 0,5m. Tâm trục bánh sau bên phải cách biển báo hiệu W.205a theo hướng thôn Nam Từ 1 đi thôn T Trì là 50,2m và cách biển báo hiệu W.205a theo hướng đi từ thôn H đi thôn T, xã K là 25,9m. Xe đạp điện đổ nghiêng bên phải, đầu xe quay hướng mép đường, đuôi xe quay ra lòng đường. Tâm trục bánh trước xe đạp điện cách mép đường là 0,2m. Tâm trục bánh sau xe đạp điện cách mép đường là 0,9m và cách tâm trục bánh sau bên phải xe ba bánh là 1,8m. Nạn nhân nằm sấp, đầu bà H ở trên lề đường, chân ở dưới lòng đường. Tâm nạn nhân cách tâm trục bánh trước xe đạp điện là 0,7m.

Về vật chứng của vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại xe đạp điện cho gia đình bị hại. Đối với chiếc xe ba bánh tự chế, chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện T quản lý theo quy định.

Khám nghiệm tử thi bà Nguyễn Thị H xác định: “Vùng sọ não và mặt biến dạng lún bẹp trên diện 30 x 25cm. Vùng ngực và nách trái biến dạng, lún xẹp kích thước 20 x 30cm, gãy nhiều xương sườn bên trái”.

Kết luận giám định pháp y về tử thi số 123/2022/TT ngày 15-5-2022 của Trung tâm pháp y H, kết luận: “Vỡ hở phức tạp xương hộp sọ, xương mặt, gãy nhiều xương sườn bên trái, gãy 1/3 giữa xương cánh tay trái. Các thương tích trên có đặc điểm do vật tày tác động theo cơ chế va đập, chèn ép, cọ xát. Nguyên nhân chết do sốc đa chấn thương”.

Khám xe ba bánh có các dấu vết: “Loại xe ba bánh, lái bằng vô lăng, đầu máy nổ công suất 24 mã lực, có đầy đủ hệ thống đèn, còi, phanh, hãm xe. Chiều dài cả xe là 3,6m, thùng xe cao 90cm dài 1,9m. Bên phải mặt ngoài lớp trước nơi có dòng chữ Made in Việt Nam xuất hiện vết mài trượt cao su và chất màu nâu đỏ bám dính kích thước 30 x 5cm. Đèn chiếu sáng phía trước bên trái, bên phải đều bị vỡ kích thước 10 x 10cm, cách mặt đất 75cm”.

Khám xe đạp điện có các dấu vết: “Chấn bầm phía trước bên trái bị lõm bẹp kích thước 30x03cm, theo chiều từ trái sang phải. Mép ngoài giá đỡ chân trước bên trái có vết mài xước kích thước 9 x 2,5cm”.

Công văn số 3217/SGTVT-QLPT&NL ngày 19-9-2022 của Sở Giao thông vận tải thành phố H trả lời: “Xe bị can Phạm Ngọc T điều khiển thuộc loại xe ba bánh tự chế, không đúng kiểu loại phương tiện được phép tham gia giao thông đường bộ do không đảm bảo các quy định về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định; không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp đăng ký và gắn biển số theo quy định. Người điều khiển phương tiện không phải có giấy phép lái xe theo quy định”.

Công văn số 2224/CVTL-GT ngày 22-9-2022 của Công an huyện T, trả lời phương tiện mà bà Nguyễn Thị H điều khiển là xe đạp điện, không phải đăng ký, gắn biển số khi tham gia giao thông.

Kết luận định giá tài sản số 16/KL-ĐG ngày 27-10-2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T, kết luận: “Xe đạp điện đã qua sử dụng bị thiệt hại là 110.000đ”.

Ông Nguyễn Đình H khai: Khoảng 11h 15” ngày 29-4-2022, ông đang ở nhà thì nghe thấy tiếng va chạm và có người dân hô hoán “Chết người rồi”. Ông chạy ra ngã tư (cách nhà ông Khoảng 20-25m) thì thấy xảy ra vụ tai nạn giao thông: Một xe ba bánh tự chế chở gạch va chạm với một xe đạp điện do người phụ nữ điều khiển, hậu quả người phụ nữ tử vong tại chỗ, nằm ở góc vỉa hè của ngã tư H-T Trì, đầu nằm ở phía dưới bánh trước của xe ba bánh, chảy máu, chân hướng về lòng đường; đầu và bánh xe của xe ba bánh đều nằm trên vỉa hè. Ông nhận thấy xe ba bánh theo hướng H đi T Trì, còn xe đạp điện theo hướng từ nhà văn hóa thôn T Trì đi thôn T.

Quá trình điều tra và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Nguyễn Văn V khai: Gia đình ông đã nhận lại chiếc xe đạp điện; bị cáo đã bồi thường 60.000.000 đồng, gia đình bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm và xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Bản cáo trạng số 38/CT-VKS ngày 11-11-2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo về tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo khai xe ba bánh tự chế được bị cáo mua từ năm 2018 của người đàn ông không quen biết ở huyện N, tỉnh Hải Dương với giá 66.000.000 đồng, nhưng không có giấy tờ mua bán, không có đăng ký, đăng kiểm. Ngày 29-4-2022, bị cáo điều khiển xe ba bánh tự chế tham gia giao thông với tốc độ khoảng 15 đến 20km/giờ, khi đến khu vực giao nhau giữa đường thôn Nam Từ 1 đi thôn T Trì với đường từ thôn H, bị cáo bấm còi, bật tín hiệu cảnh báo nhưng do khoảng cách gần, bị cáo không làm chủ tốc độ, không xử lý kịp nên bánh trước của xe ba bánh va vào chướng ngại vật phía trước của xe đạp điện, làm bà H ngã xuống mép đường, sau đó bánh trước của xe ba bánh chèn lên khu vực vùng đầu bà H, làm bà H bị tử vong tại hiện trường. Bị cáo thừa nhận việc bị điều tra, truy tố, xét xử là không oan sai, không bị ép buộc khai báo không đúng sự thật. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng của vụ án theo quy định pháp luật và xử bị cáo mức án cải tạo ngoài xã hội để bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, đi làm kiếm tiền nuôi con nhỏ vì hoàn cảnh gia đình bị cáo đông con.

Người đại diện hợp pháp của bị hại và người chứng kiến vắng mặt, Hội đồng xét xử công bố lời khai phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc T phạm tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ; xử phạt bị cáo mức án từ 15 tháng đến 21 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng đến 42 tháng tính từ ngày tuyên án.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là cấm hành nghề lái xe đối với bị cáo.

Về vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 xe ba bánh tự chế (không có biển số xe, không có đăng ký, đăng kiểm, không có số khung, số máy); xe bị hư hỏng.

Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên thu thập đã đầy đủ và theo đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định.

[2] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và Điều tra viên Công an huyện T, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về tội danh và hình phạt: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm phương tiện, khám nghiệm tử thi; kết luận giám định pháp y và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên đủ cơ sở kết luận: Vào hồi 11 giờ ngày 29-4-2022, Phạm Ngọc T điều khiển xe ba bánh tự chế, không đúng kiểu loại phương tiện được phép tham gia giao thông đường bộ, không đảm bảo các quy định về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp đăng ký và gắn biển số theo quy định; không giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn, không nhường đường cho xe đi từ bên phải khi đến nơi giao nhau với đường bộ cùng mức là vi phạm khoản 4 Điều 8, Điều 12, khoản 1 Điều 24 của Luật Giao thông đường bộ; khoản 3 Điều 5 Thông tư số 31/2019/TT-BGTVT ngày 29-8-2019 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ dẫn đến tai nạn giao thông. Hậu quả làm bà Nguyễn Thị H tử vong tại hiện trường và gây thiệt hại xe đạp điện của bà H theo Kết luận của Hội đồng định giá là 110.000 đồng. Bị hại điều khiển xe đạp điện tham gia giao thông không đội mũ bảo hiểm, không giảm tốc độ khi đến nơi giao nhau với đường cùng mức là vi phạm Điều 12 và khoản 2 Điều 31 của Luật Giao thông đường bộ.

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ theo quy định tại Điều 12 của Bộ luật Hình sự, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật. Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận, hành vi của bị cáo Phạm Ngọc T đã đủ yếu tố cấu thành tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

[4] Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng là có căn cứ và đúng với quy định của pháp luật.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, không chỉ xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông, tính mạng của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự công cộng, an toàn xã hội. Vì vậy, phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra mới đảm bảo giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa chung.

[6] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tiền án, tiền sự; phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường, khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã đầu thú; đại diện gia đình bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có ông nội là liệt sĩ, bố mẹ đẻ là người có công với cách mạng; bị hại cũng có một phần lỗi khi tham gia giao thông khi không đội mũ bảo hiểm, không giảm tốc độ khi đến nơi giao nhau với đường cùng mức. Do đó bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Xét căn cứ quyết định hình phạt:

Bị cáo có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này, bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật của Nhà nước. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đại diện Viện Kiểm sát và gia đình bị hại đều đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

Xét thấy: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã nhận thức được sự sai trái của mình để khắc phục, sửa chữa, có nơi cư trú rõ ràng và có khả năng tự cải tạo; bị cáo phạm tội với lỗi vô ý nên việc cho bị cáo được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, đồng thời cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[8] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 260 của Bộ luật Hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là cấm hành nghề. Xét thấy, bị cáo nghề nghiệp không phải là lái xe nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung cấm hành nghề lái xe đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường 60.000.000 đồng theo yêu cầu của gia đình bị hại; gia đình bị hại đã nhận lại chiếc xe đạp điện của bà H; không có yêu cầu bồi thường gì khác, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về xử lý vật chứng:

Đối với chiếc xe đạp điện của bà Nguyễn Thị H: Cơ quan điều tra Công an huyện T đã trả lại cho gia đình bị hại là đúng quy định của pháp luật.

Đối với xe ba bánh tự chế (không có biển số xe, không có đăng ký, đăng kiểm, không có số khung, số máy); xe bị hư hỏng: Là phương tiện phạm tội, vật

cấm lưu hành cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước theo điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[11] Về vấn đề khác: Đối với người đàn ông bán xe tự chế cho bị cáo, quá trình điều tra chưa xác định được căn cước, lai lịch cụ thể nên Cơ quan điều tra Công an huyện T tiếp tục làm rõ, xử lý sau là đúng quy định pháp luật.

[12] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm d khoản 1 Điều 12, điểm a, g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[13] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Phạm Ngọc T 15 (Mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (Ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ.

Giao Phạm Ngọc T cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, thành phố H nơi bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

“Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự như sau:

Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

Việc giải quyết người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách”.

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Phạm Ngọc T, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2. Về vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 (Một) xe ba bánh tự chế (không có biển số xe, không có đăng ký, đăng kiểm, không có số khung, số máy); xe bị hư hỏng.

(Vật chứng nêu trên có đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 21-11-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố H).

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Phạm Ngọc T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo Phạm Ngọc T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Nguyễn Văn V có quyền kháng trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- VKSND huyện T;
- VKSND TP H;
- TAND TP H;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện T;
- Cơ quan THAHS Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Sở Tư pháp TP H;
- Công an TP H (PC10, PV06);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Tới Nguyễn Hữu Bình

Nguyễn T Tùng

